

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Luận
Ông Phạm Văn Khuyển

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp B1, xã H, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T1, xã L, huyện P, tỉnh B.

(Bà M và Ông T đều vắng mặt và xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M và Ông Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh B ngày 13/3/2023. Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn (05 ngày) thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp do đó chúng tôi đã sống ly thân tháng 3/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với Ông Phan Văn T.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà M và Ông T không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà M có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Bị đơn Ông Phan Văn T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với bà M về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Ông T đồng ý ly hôn với bà M.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và Ông T không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, Ông T có ý kiến xin Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị M về yêu cầu ly hôn.

+ *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình chung sống, bà M và Ông T không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ *Về tài sản và nợ chung*: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn bà Đoàn Thị M thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn Ông Phan Văn T có nơi đăng ký thường trú tại thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và Ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh B ngày 13/3/2023. Xét thấy hôn nhân giữa bà M và Ông T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà M và Ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà M, Ông T thì xác định: Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, bản thân bà M và Ông T đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng đã ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà M yêu cầu ly hôn và được Ông T đồng ý nên được ghi nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình chung sống, bà M và Ông T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị M.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị M được ly hôn với Ông Phan Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị M và Ông Phan Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016240, ngày 28/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B.

3/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

